

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành quy định pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với Công ty cổ phần xây dựng công trình Sông Hồng

Thực hiện Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sắp xếp kế hoạch thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong năm 2019; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 90/QĐ-STNMT ngày 08/4/2019 thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (đợt 1).

Đoàn Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thanh tra đối với Công ty CP xây dựng công trình Sông Hồng (sau đây gọi tắt là Công ty). Xét Báo cáo của Công ty và Báo cáo ngày 03/7/2019 của Trưởng đoàn thanh tra.

Kết luận thanh tra như sau:

I. Kết quả thanh tra:

1. Việc chấp hành quy định pháp luật về lĩnh vực khoáng sản:

1.1. Dự án khai thác, chế biến mỏ đá xây dựng Kon Chên thuộc xã Măng Cành, huyện Kon Plông:

a) Ưu điểm:

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 578/GP-UBND ngày 29/6/2017: Loại khoáng sản là đá làm vật liệu xây dựng thông thường; Vị trí tại mỏ đá thôn Kon Chên, xã Măng Cành, huyện Kon Plông; diện tích 12ha; trữ lượng đá xây dựng cấp 121 theo kết quả thăm dò 1.945.804m³; công suất khai thác 150.000m³/năm; thời hạn khai thác 05 năm, kể từ ngày ký giấy phép. Ngày 24/7/2017 Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 129/GP-UBND: Diện tích khu vực gia hạn khai thác 4,9ha; trữ lượng đá nguyên khai được phép khai thác 750.000m³, trữ lượng địa chất khai thác 833.333,33m³, khối đá nguyên khai đã khai thác: 270.820m³, trữ lượng địa chất đã khai thác 300.911m³, trữ lượng đá nguyên khai còn lại được phép khai thác 532.422m³, công suất được phép khai thác 50.000m³ đá nguyên khai/năm; thời hạn gia hạn khai thác: 09 năm 07 tháng kể từ ngày ký Giấy phép. Công ty đã bổ nhiệm ông Lê Trung Đức làm Giám đốc điều hành mỏ, đảm bảo đủ điều kiện.

- Đã cắm mốc giới khu vực được cấp phép khai thác theo quy định; đã lập thiết kế mỏ, phê duyệt và nộp thiết kế mỏ cho cơ quan chức năng; đã đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác mỏ.

- Đã lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng năm 2017, 2018 và nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường; đã lập báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại năm 2018 trong khu vực được phép khai thác.

- Đã lập Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm 2017, 2018 theo quy định và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

- Sản lượng khai thác các năm 2017, 2018 không vượt so với công suất quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Đã lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để theo dõi.

- Đã thực hiện lập một số mẫu biểu thống kê sản lượng khoáng sản thực tế theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính về hoạt động khoáng sản theo quy định: Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 2.829.055.549 đồng; thuế tài nguyên đến năm 2017, 2018 là 310.707.270 đồng.

b) Khuyết điểm, tồn tại:

- Lập báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại năm 2018 trong khu vực được phép khai thác, nhưng không đầy đủ thông tin theo mẫu do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

- Mặc dù đã lắp đặt camera giám sát và đã có kế hoạch, nhưng Công ty chưa lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác theo quy định.

- Đã thực hiện lập một số mẫu biểu thống kê sản lượng khoáng sản thực tế theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, nhưng một số thông tin chưa đầy đủ.

1.2 Dự án đầu tư Khai thác - Chế biến đã xây dựng tại mỏ đá làng Kép ram (thôn 5 cũ), xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum:

a) Ưu điểm:

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 348/GP-UBND ngày 10/7/2014: Loại khoáng sản là đá làm vật liệu xây dựng thông thường; vị trí tại mỏ đá thôn Kép Ram (thôn 5 cũ), xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum; diện tích 14ha; trữ lượng khai thác là 742.950m³; công suất khai thác 114.300m³/năm; thời hạn khai thác 06 năm 05 tháng, kể từ ngày ký giấy phép. Công ty đã bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Chương làm Giám đốc điều hành mỏ, đảm bảo đủ điều kiện.

- Đã cắm mốc giới khu vực được cấp phép khai thác theo quy định; đã lập thiết kế mỏ, phê duyệt và nộp thiết kế mỏ cho cơ quan chức năng; đã đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác mỏ.

- Đã lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng năm 2017, 2018 và nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường; đã lập báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại năm 2018 trong khu vực được phép khai thác.

- Đã lập Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm 2017, 2018 theo quy định và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

- Sản lượng khai thác các năm 2017, 2018 không vượt so với công suất quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Đã lắp đặt camera và lắp đặt trạm cân giám sát tại các kho chứa để theo dõi theo quy định.

- Đã thực hiện lập một số mẫu biểu thống kê sản lượng khoáng sản thực tế theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính về hoạt động khoáng sản theo quy định: Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 2.647.873.800 đồng; thuế tài nguyên năm 2017, 2018 là 2.112.024.254 đồng.

b) Khuyết điểm, tồn tại:

- Lập báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại năm 2018 trong khu vực được phép khai thác không đầy đủ thông tin theo quy định.

- Đã thực hiện lập một số mẫu biểu thống kê sản lượng khoáng sản thực tế, nhưng một số thông tin chưa đầy đủ.

1.3 Dự án khai thác mỏ đá xây dựng tại mỏ đá Hồ Đá thuộc xã Mô Rai, huyện Sa Thầy:

a) Ưu điểm:

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1052/GP-UBND ngày 08/11/2012: Loại khoáng sản là đá làm vật liệu xây dựng thông thường; vị trí tại mỏ đá Hồ Đá thuộc xã Mô Rai, huyện Sa Thầy (nay là xã Ia Dal, huyện Ia H'Drai); diện tích 18,48ha; trữ lượng đá xây dựng huy động vào khai thác 360.000m³; công suất khai thác 45.000 m³/năm; thời hạn khai thác 8 năm, tính từ ngày cấp giấy phép. Công ty đã bổ nhiệm ông Đỗ Xuân Mạnh làm Giám đốc điều hành mỏ, đảm bảo đủ điều kiện.

- Đã cắm mốc giới khu vực được cấp phép khai thác theo quy định; đã lập thiết kế mỏ, phê duyệt và nộp thiết kế mỏ cho cơ quan chức năng; đã đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác mỏ.

- Đã lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng năm 2017, 2018 và nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường; đã lập báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại năm 2018 trong khu vực được phép khai thác.

- Đã lập Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm 2017, 2018 theo quy định và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

- Sản lượng khai thác các năm 2017, 2018 không vượt so với công suất quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Đã lắp đặt camera tại các kho chứa để theo dõi theo quy định.

- Đã thực hiện lập một số mẫu biểu thống kê sản lượng khoáng sản thực tế theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính về hoạt động khoáng sản theo quy định: Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 1.386.648.444 đồng; thuế tài nguyên năm 2018 là 1.102.554.254 đồng.

b) Khuyết điểm, tồn tại:

- Lập báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại năm 2018 trong khu vực được phép khai thác không đầy đủ thông tin theo quy định.

- Mặc dù đã lắp đặt camera giám sát và đã có kế hoạch, nhưng Công ty chưa lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác theo quy định.

- Đã thực hiện lập một số mẫu biểu thống kê sản lượng khoáng sản thực tế, nhưng một số thông tin chưa đầy đủ.

2. Việc chấp hành quy định pháp luật về lĩnh vực đất đai:

2.1 Dự án khai thác, chế biến mỏ đá xây dựng Kon Chênh thuộc xã Măng Cành, huyện Kon Plông:

a) Ưu điểm:

- Công ty sử dụng đất được cấp có thẩm quyền cho thuê đất, đảm bảo tính pháp lý:

+ Tại khu vực khai thác đá: Quyết định cho thuê đất số 758/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 của UBND tỉnh, sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường (*vị trí tại khoảnh 5, 10 tiểu khu 749 thuộc thôn Kon Chênh, xã Măng Cành, Kon Plông; diện tích 12ha; thời hạn thuê đất 5 năm, theo giấy phép khai thác khoáng sản*); được Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất (*số 31/HĐTD ngày 29/9/2011; vị trí, diện tích, thời hạn thuê theo Quyết định số 758/QĐ-UBND*). Ngày 12/8/2011 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 758/QĐ-UBND, thu hồi và cho Công ty thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường: Vị trí tại khoảnh 5, 10 tiểu khu 749 thuộc thôn Kon Chênh, xã Măng Cành, Kon Plông (*theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 578/GP-UBND ngày 29/06/2011*). UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 06/12/2016, cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 578/GP-UBND ngày 29/6/2011 của UBND tỉnh (*diện tích trả lại 7,1ha; diện tích còn lại lập thủ tục gia hạn khai thác 4,9ha; vị trí được giới hạn bởi các điểm khếp góc theo phụ lục*). Ngày 25/5/2017 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 443/QĐ-UBND, gia hạn sử dụng đất cho Công ty để tiếp tục sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường; thời hạn sử dụng đến ngày 24/9/2026.

+ Tại vị trí khu vực Trạm nghiền đá, văn phòng, công trình phụ trợ: Quyết định cho thuê đất số 1030/QĐ-UBND ngày 04/12/2013 của UBND tỉnh, sử dụng vào mục đích xây dựng Trạm nghiền đá, văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ thuộc dự án chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường (*vị trí tại khoảnh 5, 10 tiểu khu 749 thuộc thôn Kon Chênh, xã Măng Cành, Kon*

Plông; diện tích 2,6ha; thời hạn thuê đất đến tháng 6 năm 2016, theo giấy phép khai thác khoáng sản); được Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất (số 31/HĐTD ngày 29/9/2011; vị trí, diện tích, thời hạn thuê theo Quyết định số 1030/QĐ-UBND).

- Về thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, Công ty đã nộp tiền thuê đất đến kỳ 1 năm 2019 theo Thông báo số 2090/TB-CT ngày 26/4/2019 của Cục Thuế tỉnh.

- Kết quả kiểm tra thực tế (*sử dụng máy GPS cầm tay Garmin 78S*) tại khu vực khai thác đá, khu chế biến đá, Công ty sử dụng đất phù hợp với hồ sơ đất đai.

b) Khuyết điểm, tồn tại:

Chưa hoàn thành thủ tục gia hạn thời gian sử dụng đất đối xây dựng Trạm nghiền đá, văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ.

2.2. Dự án đầu tư Khai thác - Chế biến đã xây dựng tại mỏ đá làng Kép ram (thôn 5 cũ), xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum:

a) Ưu điểm:

- Công ty sử dụng đất được cấp có thẩm quyền cho thuê đất tại khu vực khu chế biến, bãi tập kết đá đảm bảo tính pháp lý: Quyết định cho thuê đất số 272/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh, sử dụng vào mục đích khu chế biến, bãi tập kết đá làm vật liệu xây dựng thông thường và các công trình phụ trợ (vị trí tại thôn Kép Ram, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum; diện tích 55.000m²; thời hạn thuê đất đến tháng 12 năm 2020); được Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất (số 196/HĐTD ngày 25/5/2018; vị trí, diện tích, thời hạn thuê theo Quyết định số 272/QĐ-UBND).

- Về thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, Công ty đã nộp tiền thuê đất đến kỳ 1 năm 2019 theo Thông báo số 2090/TB-CT ngày 26/4/2019 của Cục Thuế tỉnh.

- Kết quả kiểm tra thực tế (*sử dụng máy GPS cầm tay Garmin 78S*) tại khu vực khai thác đá, khu chế biến đá, Công ty sử dụng đất phù hợp với hồ sơ đất đai.

b) Khuyết điểm, tồn tại:

Công ty chưa hoàn thành thủ tục đề nghị gia hạn thời gian sử dụng đất tại khu vực khai thác với diện tích 14ha chưa được UBND tỉnh cho thuê đất. (*hiện nay Công ty đã phối hợp với các ngành kiểm tra thực địa*).

2.3 Dự án khai thác mỏ đá xây dựng tại mỏ đá Hồ Đá thuộc xã Mô Rai, huyện Sa Thầy (nay là xã Ia Dal, huyện Ia H'Drai):

a) Ưu điểm:

- Công ty sử dụng đất được cấp có thẩm quyền cho thuê đất bảo tính pháp lý: Quyết định cho thuê đất số 166/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của UBND tỉnh, sử dụng vào khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường và các công trình phụ trợ (vị trí thuộc một phần khoảnh 7, tiểu khu 771, xã Mô Rai,

huyện Sa Thầy, nay là huyện Ia H'Drai; diện tích 18,48ha; thời hạn thuê đất 8 năm (*tính từ ngày 08/11/2012*); được Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất (*số 207/HĐTĐ ngày 12/9/2016; vị trí, diện tích, thời hạn thuê theo Quyết định số 166/QĐ-UBND*).

- Về thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, Công ty được miễn tiền thuê đất 8 năm (*tính từ ngày 08/11/2012*) xác định theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 2433/TB-CT và Quyết định miễn tiền thuê đất số 2432/QĐ-CT ngày 06/5/2013 của Cục thuế tỉnh.

- Kết quả kiểm tra thực tế (*sử dụng máy GPS cầm tay Garmin 78S*) tại khu vực khai thác đá, khu chế biến đá, Công ty sử dụng đất phù hợp với hồ sơ đất đai.

b) Khuyết điểm, tồn tại:

Tại thời điểm thanh tra chưa phát hiện khuyết điểm, tồn tại.

3. Việc chấp hành quy định pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường:

3.1 Dự án khai thác, chế biến mỏ đá xây dựng Kon Chênh thuộc xã Măng Cành, huyện Kon Plông:

a) Ưu điểm:

- Công ty đã lập thủ tục, được UBND tỉnh đã phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (*Khai thác - chế biến mỏ đá xây dựng Kon Chênh thuộc xã Măng Cành, huyện Kon Plông*) tại Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 06/4/2011.

- Công ty đã lập thủ tục, được UBND tỉnh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của dự án tại Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 17/10/2016. Ngày 08/12/2017 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1325/QĐ-UBND, điều chỉnh số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo giấy phép khai thác khoáng sản (*Tổng tiền ký quỹ là 433.532.918 đồng, thực hiện 10 lần; ký quỹ lần đầu 108.383.229 đồng, các lần tiếp theo (09 lần) 36.127.743 đồng*).

- Công ty đã lập Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của dự án; đã lập Kế hoạch quản lý môi trường của dự án.

- Công ty đã lập Báo cáo giám sát định kỳ công tác bảo vệ môi trường năm 2018 (*tần suất 02 lần/năm*).

- Công ty có bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại gần khu vực dự án; Sở Tài nguyên và Môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 62.000028.T (*cấp lần 1*) ngày 06/6/2012; đã ký Hợp đồng kinh tế số 338/2018/HĐKT ngày 10/5/2018 với Công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA để thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý CTNH theo quy định; đã báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ năm 2017, 2018; CTNH (*bình ác quy, dầu mỡ thải, dẻ lau dính dầu...*) được Công ty thu gom vào khu vực lưu giữ CTNH.

- Công ty xử lý nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại; đối với rác thải hữu cơ dễ phân hủy, được thu gom vào thùng rác và đưa đi chôn lấp hợp vệ sinh; chất thải rắn tái chế được, được thu gom và bán cho đơn vị thu mua; đất

đá thải được san gạt tuyến đường vận chuyển nội bộ, san gạt tạo mặt bằng và lưu giữ trong khu vực khai thác để phục hồi môi trường; bụi, tiếng ồn, độ rung được quản lý, xử lý theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về bảo vệ môi trường: Phí Bảo vệ môi trường đã nộp là 156.480.192 đồng (năm 2017, 2018); đã thực hiện tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường năm 2019 với số tiền 36.127.143 đồng.

b) Khuyết điểm, tồn tại:

Tại thời điểm thanh tra chưa phát hiện khuyết điểm, tồn tại.

3.2 Dự án đầu tư Khai thác - Chế biến đã xây dựng tại mỏ đá làng Kép ram (thôn 5 cũ), xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum:

a) Ưu điểm:

- Công ty đã lập thủ tục, được UBND tỉnh đã phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (Khai thác, chế biến mỏ đá xây dựng làng Kép Ram (thôn 5 cũ), xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum) tại Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 28/02/2014.

- Công ty đã lập thủ tục, được UBND tỉnh phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 28/02/2014. Ngày 08/12/2017 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1324/QĐ-UBND, điều chỉnh số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp.

- Công ty đã lập Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của dự án; đã lập Kế hoạch quản lý môi trường của dự án.

- Công ty đã lập Báo cáo giám sát định kỳ công tác bảo vệ môi trường năm 2018 (tần suất 02 lần/năm).

- Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ CTNH tạm thời tại khu vực dự án (khu có diện tích khoảng 3m², có mái che, biển cảnh báo, thiết bị chữa cháy, vật liệu hấp phụ CTNH dạng lỏng rơi vãi, có thùng chứa CTNH riêng biệt, không có CTNH phát sinh); đã ký Hợp đồng kinh tế số 338/2018/HĐKT ngày 10/5/2018 với Công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA để thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý CTNH theo quy định; CTNH (bình ác quy, dầu mỡ thải, dẻ lau dính dầu...) phát sinh được Công ty thu gom vào khu vực lưu giữ CTNH.

- Công ty xử lý nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại; đối với rác thải hữu cơ dễ phân hủy, được thu gom vào thùng rác và đưa đi chôn lấp hợp vệ sinh; chất thải rắn tái chế được, được thu gom và bán cho đơn vị thu mua; đất đá thải được san gạt tuyến đường vận chuyển nội bộ, san gạt tạo mặt bằng và lưu giữ trong khu vực khai thác để phục hồi môi trường; bụi, tiếng ồn, độ rung:

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về bảo vệ môi trường: Phí Bảo vệ môi trường đã nộp là 1.150.547.860 đồng (năm 2017, 2018); đã thực hiện tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường năm 2019 với số tiền 208.932.243 đồng.

b) Khuyết điểm, tồn tại:

Tại thời điểm thanh tra chưa phát hiện khuyết điểm, tồn tại.

3.3 Dự án khai thác mỏ đá xây dựng tại mỏ đá Hồ Đá thuộc xã Mô Rai, huyện Sa Thầy:

a) Ưu điểm:

- Công ty đã lập thủ tục, được UBND tỉnh đã phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (*Khai thác mỏ đá xây dựng thông thường khu vực Hồ Đá, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy*) tại Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 27/6/2012.

- Công ty đã lập thủ tục, được UBND tỉnh phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án tại Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 27/06/2012. Ngày 08/12/2017 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1323/QĐ-UBND, điều chỉnh số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp.

- Công ty đã lập Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của dự án; đã lập Kế hoạch quản lý môi trường của dự án.

- Công ty đã lập Báo cáo giám sát định kỳ công tác bảo vệ môi trường năm 2017, 2018 (*tần suất 02 lần/năm*).

- Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ CTNH tạm thời tại khu vực dự án (*kho có diện tích khoảng 3m², có mái che, biển cảnh báo, thiết bị chữa cháy, vật liệu hấp phụ CTNH dạng lỏng rơi vãi, có thùng chứa CTNH riêng biệt, không có CTNH phát sinh*); đã ký Hợp đồng kinh tế số 338/2018/HĐKT ngày 10/5/2018 với Công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA để thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý CTNH theo quy định; CTNH (*bình ác quy, dầu mỡ thải, dẻ lau dính dầu...*) phát sinh được Công ty thu gom vào khu vực lưu giữ CTNH.

- Công ty xử lý nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại; đối với rác thải hữu cơ dễ phân hủy, được thu gom vào thùng rác và đưa đi chôn lấp hợp vệ sinh; chất thải rắn tái chế được, được thu gom và bán cho đơn vị thu mua; đất đá thải được san gạt tuyến đường vận chuyển nội bộ, san gạt tạo mặt bằng và lưu giữ trong khu vực khai thác để phục hồi môi trường; bụi, tiếng ồn, độ rung.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về bảo vệ môi trường: Phí Bảo vệ môi trường đã nộp là 639.489.400 đồng đồng (*năm 2017, 2018*); đã thực hiện tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường năm 2019 với số tiền 155.033.964 đồng.

b) Khuyết điểm, tồn tại:

Công ty chưa thực hiện lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định.

II. Biện pháp xử lý:

Từ kết quả thanh tra nêu trên, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các đơn vị:

1. Công ty cổ phần xây dựng công trình Sông Hồng:

- Tiếp tục tuân thủ quy định pháp luật về lĩnh vực khoáng sản, đất đai, bảo vệ môi trường.

- Lắp đặt camera giám sát và lắp đặt trạm cân (*cho toàn bộ các dự án*) tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác theo quy định.

- Lập báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại năm 2018 trong khu vực được phép khai thác cho đầy đủ thông tin theo quy định.

- Lập mẫu biểu thống kê sản lượng khoáng sản thực tế cho đầy đủ thông tin theo quy định.

- Hoàn chỉnh thủ tục giá hạn thời gian sử dụng đất; khẩn trương phối hợp với các cơ quan liên quan để hoàn thành thủ tục thuê đất tại dự án thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum.

- Hoàn thành thủ tục xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

- Công khai kết luận thanh tra; báo cáo kết quả khắc phục, xử lý sau thanh tra trong thời gian 30 ngày nhận được kết luận thanh tra.

2. Chỉ đạo Thanh tra Sở:

Chánh Thanh tra Sở chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan (*Phòng Khoáng sản, Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục Quản lý đất đai*) hướng dẫn, giám sát Công ty tiếp tục thực hiện đúng quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường; khẩn trương tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý có liên quan, khắc phục các khuyết điểm, tồn tại theo kết luận thanh tra; lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với các vi phạm (*nếu có*); có văn bản đề nghị công khai kết luận thanh tra; theo dõi kết quả khắc phục sau thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra Việc chấp hành quy định pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với Công ty cổ phần xây dựng công trình Sông Hồng. Kết luận này được gửi đến các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: *Alle*

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Công ty cổ phần xây dựng công trình Sông Hồng;
- Các đơn vị có liên quan;
- GD, các PGĐ Sở;
- Trang TTĐT Sở TN&MT để đăng tin;
- Lưu VT, HSTT, TTr4.

GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Hạnh